TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiệp

2. Ông Đặng Vinh Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 và quyết định Hoãn phiên tòa số: 68/2026/QDST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp C, xã P, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Long H, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp C, xã P, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân P, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh H sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay, chị thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Gia B – sinh ngày 04-5-2016, Nguyễn Gia M – sinh ngày 03-01- 2019, khi ly hôn, tôi đồng ý giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng, tôi sẽ tự cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi có vay chương trình nước sạch của Ngân hàng C1 số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả là năm 2030. Do chưa tới thời hạn trả nên tôi không yêu cầu giải quyết nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2025, Bị đơn – anh Nguyễn Long H trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh và chị T sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Gia B – sinh ngày 04-5-2016, Nguyễn Gia M – sinh ngày 03-01- 2019. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T có vay chương trình nước sạch của Ngân hàng C1 số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả là năm 2030. Khi ly hôn, tôi yêu cầu giải quyết nợ chung mỗi người có trách nhiệm trả ½ nợ chung.

Tại Văn bản đề ngày 05 tháng 12 năm 2026 của Phòng C1 trình bày:

Phòng C1 có cho hộ gia đình Ông Nguyễn Long H vay chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với tiền số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) lãi suất 9%/năm, thời hạn trả nợ cuối là ngày 07/03/2030. Nay bà Nguyễn Thị Thanh X ly hôn với Ông Nguyễn Long H, Phòng giao dịch Ngân hàng C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng) vì hợp đồng vay vốn chưa đến hạn. Nếu sau này bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Long H không trả nợ ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án dân sự xem xét quyết định:

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Long H. Cho chị T được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/5/2016 và cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/01/2019 cho anh Nguyễn Long H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Nguyễn Long H không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Phòng C1 là tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu không giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Long H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Long H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy rằng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Long H sống chung với nhau từ năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2025 đến nay, không có nguyện vọng hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân. Vì vậy chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.3] Về con chung: Chị T và anh Hà C 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/5/2016 và Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/01/2019, hiện do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; anh H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến thì cháu B và cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với anh H khi cha mẹ ly hôn.

Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu B và cháu M nên giao cháu B và cháu M cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp, ghi nhận anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị T và anh H trình bày có vay chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn của Phòng C1 số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn trả nợ cuối là ngày 07/3/2030. Quá trình giải quyết, Phòng C1 là tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu không giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007040 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Long H.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn đối với Nguyễn Long H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/5/2016 và cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/01/2019 cho anh Nguyễn Long H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Nguyễn Long H không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T và anh H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Phòng Giao dịch Ngân hàng C1 là tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu không giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007040 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Mai